

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2021/DS-ST

Ngày: 20/9/2021

V/v tranh chấp “Đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Kiều Oanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thu Hồng;

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Ngọc Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Không có.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2021, Thông báo dời lại phiên tòa số 04/TB-TA ngày 11 tháng 6 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 26/TB-TA ngày 31 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Ngọc H** (tên thường gọi: S), sinh năm 1956.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Chị **Đỗ Thị Thu N**, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố *, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông **Hứa Xuân S**, sinh năm 1961 (có mặt).

Bà Đỗ Thanh T, sinh năm 1971 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H là chị Đỗ Thị Thu N trình bày:**

Ông S và bà T là vợ chồng. Ngày 22/11/2012 (tức ngày mùng 09/10/2012 âm lịch), Ông S và bà T có vay tiền của bà H (S) số tiền 20.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, không hẹn ngày trả, có làm biên nhận. Ngày 24/12/2012 (tức ngày 12/11/2012 âm lịch), Ông S và bà T có vay tiền của bà H (S) số tiền 5.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, không hẹn ngày trả, có làm biên nhận. Tổng cộng hai lần vay là 25.000.000 đồng, sau đó Ông S và bà T lên thành phố Hồ Chí Minh để làm ăn, không có nhà nên bà H không đòi nợ được. Nay Ông S và bà T đã trở về địa phương nên bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu Ông S và bà T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 25.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, bà H không có yêu cầu gì khác.

*** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Hứa Xuân S trình bày:** Thống nhất ông và bà T có nợ bà H số tiền 25.000.000 đồng, có làm biên nhận, có ký tên nhưng do dịch bệnh khó khăn nên xin trả hàng tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Ngoài ra, không trình bày gì khác.

*** Bị đơn bà Đỗ Thanh T không trình bày ý kiến và có gửi đơn xin vắng mặt tại Tòa án vì lý do bị bệnh tim không đến Tòa án được.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thanh T có đơn xin vắng mặt tại tòa án, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Đỗ Thanh T.

[2] *Về thời hiệu khởi kiện:* Tại đơn khởi kiện ngày 17/3/2021 bà Trần Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu ông Hứa Xuân S và bà Đỗ Thanh T trả tiền vốn là 25.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi nên Tòa án thụ lý quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về mượn tài sản”. Tuy Ông S và bà T không yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với số tiền 25.000.000 đồng, nhưng tại phiên tòa đại diện ủy quyền của bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc Ông S và bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền 25.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

[3] *Về nội dung:* Bà H yêu cầu Ông S và bà T có nghĩa vụ liên đới trả 25.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ông S thừa nhận ông và bà T có nợ bà H số tiền 25.000.000 đồng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà T, bà T đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án và tài liệu, chứng cứ của phía bà H giao nộp và bà T có gửi đơn xin vắng mặt đến Tòa nhưng không gửi bản trình bày ý kiến của bà, cho thấy bà T biết số nợ trên nhưng không phản đối gì với yêu cầu khởi kiện của bà H. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Thời hạn trả nợ: Ông S xin trả dần nhưng không được phía bà H đồng ý và việc trả dần làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà H nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về lãi suất: Bà H không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận nên Ông S và bà T phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: các điều 35, 39, 91, 92, 147, 235, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 288, 166 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc H.

Buộc ông Hứa Xuân S và bà Đỗ Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Ngọc H số tiền 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

2. Về án phí:

+ Ông S và bà T có nghĩa vụ liên đới nộp 1.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
+ Do bà H thuộc diện người cao tuổi có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí nên được miễn nộp. Do đó, không phải hoàn tạm ứng án phí cho bà H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

“Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

3. Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết. Các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Kiều Oanh